TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**
Số: 770/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 6, ngày 26 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 635/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thụy A, sinh năm: 1973;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968;

Cùng địa chỉ: số 628/54/2G đường G, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thụy A, sinh năm: 1973;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968;

Cùng địa chỉ: số 628/54/2G đường G, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thụy A và ông Nguyễn Văn T cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Như K, sinh ngày 12/12/2001 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/8/2004.

Bà A, ông T thống nhất giao trẻ Nguyễn Như K cho bà Phạm Thụy A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao trẻ Nguyễn Hoàng P cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận.

Bà A, ông T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với cha, mẹ. Bà A, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên vi phạm.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thụy A và ông Nguyễn Văn T tự trình bày không có.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thụy A tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà A đã nộp theo Biên lai thu số 0010319 ngày 21/09/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thụy A được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 16/11/2000 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Bà Phạm Thụy A và ông Nguyễn Văn T không còn hiệu lực pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSNDQ6;
- CCTHADSQ6;
- Lưu hồ sơ,Vp.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú